

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 94/2024/DS-ST

Ngày: 26-7-2024.

"*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội
và vay tài sản*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Huỳnh Văn Hồng.

2. Bà: Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2023/TLST – DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị K** – sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**.

- *Bị đơn:* 1/ Chị **Phạm Hồng D** – sinh năm: 1979 (vắng mặt).

2/ Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị K** trình bày:*

Bà **K** là chủ thảo của 02 dây hội, trong đó có chị **D** tham gia hội viên, tên trong danh sách hội là "**D**" cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hội mùa 5.000.000đ, mở ngày 20/10/2022 không nhớ chính xác thời gian mãn hội, hiện chưa mãn hội, có 15 phần, chị **D** tham gia 01 phần. Chị **D** kêu thăm lãnh hội ở lần khai hội đầu tiên với số tiền 42.000.000đ,

trừ thảo 2.000.000đ còn lại số tiền 40.000.000đ, bà K giao đủ tiền hội cho chị D. Sau khi lãnh hội, chị D đóng được 01 lần hội chết với số tiền 5.000.000đ thì ngưng, (tính đến ngày 20/9/2023) chị D còn nợ 02 lần hội chết chưa đóng cho bà K. Bà K phải choàng hội chết cho chị D với số tiền (5.000.000đ x 02 lần) = 10.000.000đ.

Dây thứ hai: Hội mùa 5.000.000đ, mở ngày 20/10/2022 không nhớ chính xác thời gian mãn hội, hiện chưa mãn hội, có 15 phần, chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu thăm lãnh hội ở lần khai hội đầu tiên với số tiền 42.000.000đ, trừ thảo 2.000.000đ còn lại số tiền 40.000.000đ, bà K giao đủ tiền hội cho chị D. Sau khi lãnh hội, chị D đóng được 01 lần hội chết với số tiền 5.000.000đ thì ngưng, (tính đến ngày 20/9/2023) chị D còn nợ 02 lần hội chết chưa đóng cho bà K. Bà K phải choàng hội chết cho chị D với số tiền (5.000.000đ x 02 lần) = 10.000.000đ.

Tổng cộng 02 dây hội trên chị D còn nợ bà K số tiền 20.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 29/10/2022, bà K có cho chị D vay số tiền 265.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận chị D viết và ký tên nhận tiền. Sau khi vay, chị D có đóng lãi cho bà K nhưng không nhớ bao nhiêu được thời gian thì ngưng cho đến nay. Bà K có nhiều lần tìm chị D yêu cầu trả nợ thì có gặp anh S, bà K có nói anh S biết sự việc chị D nợ tiền hội và vay của bà K. Vào thời điểm chị D tham gia chơi hội và vay tiền giữa chị và anh S là quan hệ vợ chồng hợp pháp nên anh S cũng phải có trách nhiệm trả nợ với chị D.

Nay bà K yêu cầu chị Phạm Hồng D và anh Nguyễn Thanh S phải trả số tiền nợ hội tính đến ngày (20/9/2023) là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và số tiền nợ vốn vay là 265.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 29/10/2022 đến ngày 26/7/2024 là 21 tháng lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 46.189.500đ (bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng), tổng cộng vốn và lãi là 311.189.500đ (ba trăm mười một triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

* Đối với bị đơn chị Phạm Hồng D và anh Nguyễn Thanh S:

Chị Phạm Hồng D và anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều . Buộc chị Phạm Hồng D và anh Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ vốn vay là 265.000.000đ và tiền lãi là 26.394.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 291.394.000đ.

Bà K có quyền khởi kiện chị D và anh S trả số tiền nợ hui là 20.000.000đ.

Về án phí: Bà K được miễn án phí do là người cao tuổi.

Chị D và anh S phải nộp án phí 14.569.700đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui giữa bà và chị Phạm Hồng D, anh Nguyễn Thanh S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn Phạm Hồng D, anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà K yêu cầu chị D và anh S phải trả số tiền số tiền nợ hui tính đến ngày 20/9/2023 là 20.000.000đ và số tiền nợ vốn vay là 265.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 29/10/2022 đến ngày 26/7/2024 lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 46.189.500đ, tổng cộng vốn và lãi là 311.189.500đ.

Xét yêu cầu của bà K đối với số tiền nợ vay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị D và anh S đã được triệu tập hợp lệ để có ý kiến về việc bà K yêu cầu chị D, anh S trả số tiền nợ vay. Tuy nhiên, chị D không nộp ý kiến hay chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của bà K. Tại biên nhận ngày 29/10/2022 thể hiện nội dung chị D ký tên vào biên nhận mượn chị K số tiền 265.000.000đ. Do đó, yêu cầu của bà K đối với số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

Xét, anh S có tờ giải trình ý kiến về việc vay giữ bà K và chị D có xảy ra hay không thì anh hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, bà K trình bày có thông báo cho anh S biết việc chị D nợ tiền vay của bà. Vào thời điểm chị D vay tiền của bà K thì giữa chị D và anh S là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Do đó, bà K yêu cầu anh S cùng có trách nhiệm trả nợ với chị D là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Xét đối với yêu cầu của bà K yêu cầu chị D và anh S trả số tiền nợ hui tính đến ngày 20/9/2023 là 20.000.000đ do chưa xem xét thụ lý nên dành riêng một vụ kiện dân sự khác cho bà K.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu của bà K. Buộc chị D và anh S có trách nhiệm trả cho bà K số tiền nợ vốn vay là 265.000.000đ, tiền lãi là 46.189.500đ, tổng cộng vốn và lãi là 311.189.500đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **D** và anh **S** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.559.000đ.

Bà **K** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kiều**.

Buộc chị **Phạm Hồng D** và anh **Nguyễn Thanh S** phải trả cho bà **Nguyễn Thị K** số tiền nợ vốn vay là 265.000.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 46.189.500đ (bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng), tổng cộng vốn và lãi là 311.189.500đ (ba trăm mười một triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Dành cho bà **Nguyễn Thị K** một vụ kiện dân sự khác để khởi kiện chị **Phạm Hồng D** và anh **Nguyễn Thanh S** đối với số tiền nợ hui tính đến ngày 20/9/2023 là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị **Phạm Hồng D** và anh **Nguyễn Thanh S** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.559.000đ (mười lăm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Bà **Nguyễn Thị K** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu

Phạm Thị L

